A glowing lightbulb is the central focus, with its filament illuminated. The background is a soft, blue-toned gradient. Overlaid on the image are white circuit board traces that branch out from the left and right sides, framing the central text. The text is presented in a clean, white, serif font within a dark, semi-transparent rectangular box.

Một số nội dung và chính sách
bảo hiểm thất nghiệp

Chương trình



I. Giới thiệu chung



II. Đối tượng tham gia



III. Các chế độ BHTN



**IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ
NGƯỜI SỬ DỤNG**



**V. ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH
61/2020-NĐ-CP**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

"Lời giới thiệu..."

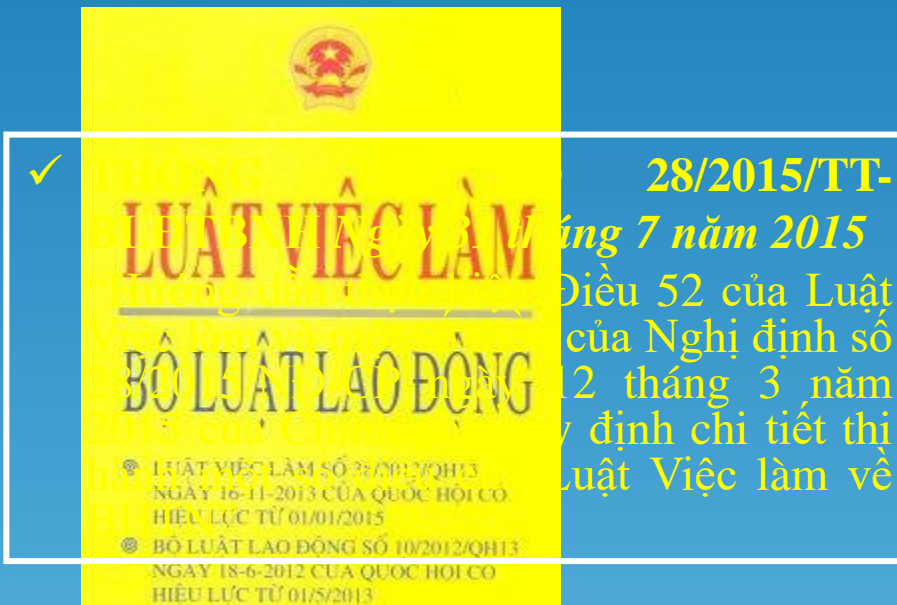
Chính sách bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) được quy định trong Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 có hiệu lực từ 01/01/2009 và đến ngày 16/11/2013 tại kỳ họp Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật Việc làm trong đó chính sách BHTN trong Luật Bảo hiểm xã hội được chuyển sang luật việc làm có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Đây là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, thể hiện tính nhân văn, sẻ chia của người lao động, chủ sử dụng lao động và Nhà nước đối với những lao động bị mất việc làm.



1.1 CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

✓ **LUẬT VIỆC LÀM SỐ 38/2013/QH13**
Ngày 16 tháng 11 năm 2013

✓ **NGHỊ ĐỊNH SỐ 28/2015/NĐ-CP**
Ngày 12 tháng 03 năm 2015
“Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN”



✓ **NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP**
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
“Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP”

✓ **QUYẾT ĐỊNH SỐ 1014/QĐ-TTg**
Ngày 24 tháng 12 năm 2014
“Quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia BHTN”

1.2 Nguyên tắc bảo hiểm thất nghiệp

- 1. Bảo đảm chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp.
- 2. Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp được tính trên cơ sở tiền lương của người lao động.
- 3. Mức hưởng bảo hiểm thất nghiệp được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp.
- 4. Việc thực hiện bảo hiểm thất nghiệp phải đơn giản, dễ dàng, thuận tiện, bảo đảm kịp thời và đầy đủ quyền lợi của người tham gia.
- 5. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được quản lý tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, bảo đảm an toàn và được Nhà nước bảo hộ.

II – ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHTN

2 Đối tượng bắt buộc tham gia đóng BHTN



1. HĐLĐ/ HĐLV không xác định thời hạn
2. HĐLĐ/ HĐLV xác định thời hạn
3. HĐLĐ mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng



Người sử dụng lao động

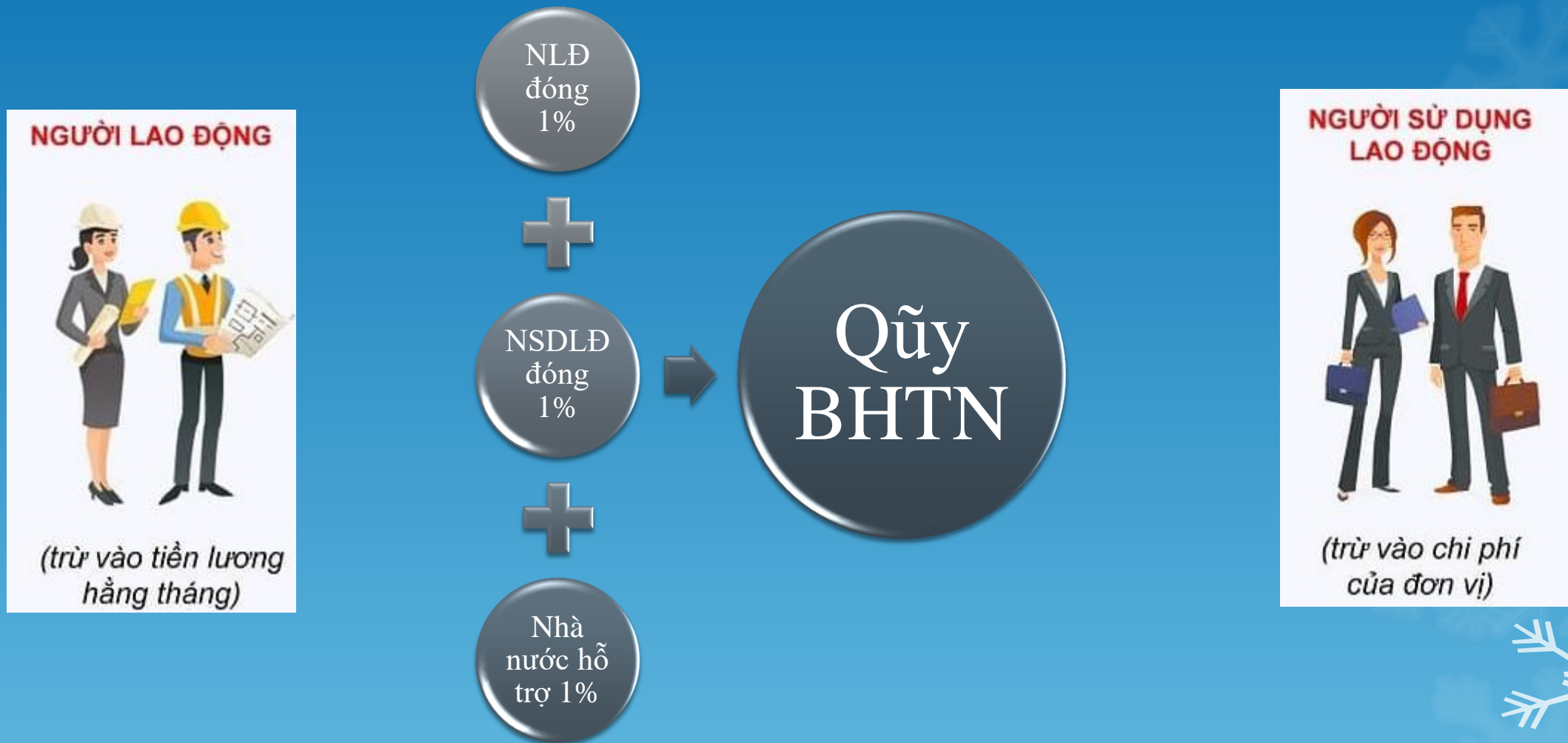
1. **Người lao động** phải tham gia BHTN khi làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc như sau:

- a) HĐLĐ/HĐLV không xác định thời hạn;
- b) HĐLĐ/HĐLV xác định thời hạn;
- c) Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

*Lưu ý: Người lao động đang hưởng lương hưu, giúp việc gia đình thì không phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

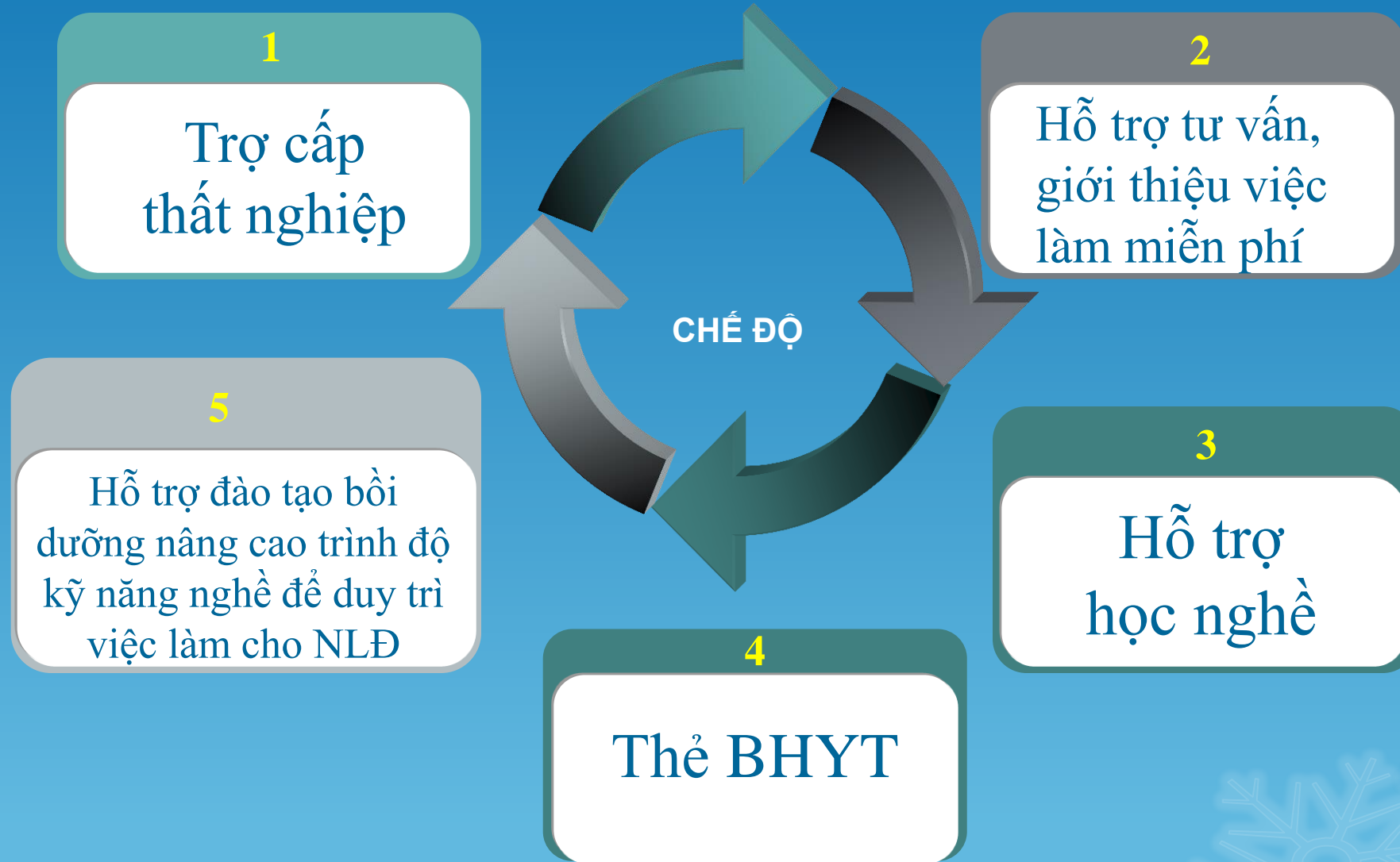
2. **Người sử dụng lao động** tham gia bảo hiểm thất nghiệp bao gồm cơ quan; tổ chức; doanh nghiệp; cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều này.

2.1 Mức đóng và trách nhiệm đóng BHTN quy định như sau:



7 Lưu ý: Mức đóng tối đa sẽ không quá 20 tháng lương tối thiểu vùng (đối với NLĐ đang hưởng lương theo mức do NSDLĐ quyết định).

III. Các chế độ bảo hiểm thất nghiệp



Người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi đủ các điều kiện sau đây:

3.1 TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

1

• Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc



Trừ các trường hợp

- Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật;
- Đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.

2

• Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp:



trong thời gian **24 tháng** trước khi chấm dứt hợp đồng lao động xác định thời hạn/không xác định thời hạn.

trong thời gian **36 tháng** trước khi chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc hợp đồng từ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

3

• Nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.



4

• Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày (tính từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp)



15 ngày

Trừ các trường hợp

- Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an;
- Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên;
- Chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Bị tạm giam; chấp hành hình phạt tù;
- Ra nước ngoài định cư; đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Người tham gia qua đời.

3.1 TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP



“Làm việc chưa đủ 12 tháng có được hưởng trợ cấp BHTN hay không?” là câu hỏi mà nhiều người lao động đặt ra ?????

Ví dụ 2: Chị Phan Thảo V đóng bảo hiểm thất nghiệp ở công ty A từ tháng 9/2018 đến tháng 3/2019. Sau đó 5 tháng nghỉ việc, chị V kí hợp đồng lao động không xác định thời hạn ở công ty B, tham gia làm việc và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 8/2019 đến tháng 3/2020 thì nghỉ việc. Ở cả 2 công ty chị V đều làm việc chưa đủ 12 tháng thì có được hưởng trợ cấp thất nghiệp hay không?

Trả lời:

→Đối với loại hợp đồng không xác định thời hạn thì điều kiện ở đây là đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong vòng 24 tháng trước khi nghỉ việc.

→24 tháng trước khi nghỉ việc ở trong trường hợp này được xác định là khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2020. Trong khoảng thời gian này chị V đóng được tổng cộng 15 tháng bảo hiểm thất nghiệp (7 tháng bảo hiểm ở công ty A và 8 tháng bảo hiểm ở công ty B)

→Do đó, nếu đáp ứng được các điều kiện còn lại thì chị V sẽ được hưởng trợ cấp thất nghiệp

3.1 TRỢ CẤP THẮT NGHIỆP

NLĐ được xác định là đang đóng BHTN theo quy định tại Điều 49 Luật Việc làm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

Đã đóng BHTN của tháng chấm dứt HĐLĐ/HĐLV và được cơ quan BHXH xác nhận trên Sổ BHXH

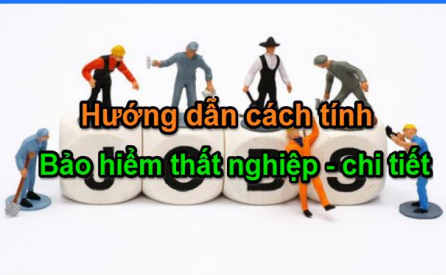
Đã đóng BHTN của tháng liền kề trước tháng chấm dứt HĐLĐ/HĐLV và được cơ quan BHXH xác nhận trên Sổ BHXH

Có tháng liền kề nghỉ việc do ốm đau, thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng, không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị và được cơ quan BHXH xác nhận trên sổ BHXH

Có tháng liền kề nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng tại đơn vị và được cơ quan BHXH xác nhận trên sổ BHXH

Có tháng liền kề tạm hoãn HĐLĐ/HĐLV từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng tại đơn vị và được cơ quan BHXH xác nhận trên sổ BHXH

Mức hưởng



QUY ĐỊNH TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP
HÀNG THÁNG

BẰNG

60%

Mức bình quân tiền lương tháng
đóng bảo hiểm thất nghiệp
của **06 tháng liên kế**
trước khi thất nghiệp



ĐỐI VỚI

Người lao động thuộc
đối tượng thực hiện chế độ
tiền lương **do Nhà nước**
quy định



Tối đa **không quá 05 lần**
mức lương cơ sở hoặc không quá
05 lần mức lương tối thiểu vùng
theo **quy định của Bộ luật lao động**
tại thời điểm chấm dứt hợp đồng
lao động hoặc hợp đồng làm việc.



3.3 cách tính mức hưởng



Cách tính mức hưởng BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Cách tính mức hưởng BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP



Mức hưởng trợ cấp TN

= 60% lương cơ bản của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp

Lưu ý:

- + Khi thôi việc, dứt hợp đồng theo quy định, phải lấy được 2 thứ: Sổ Bảo Hiểm và Giấy quyết định nghỉ việc có kí của công ty
- + Trong vòng 3 tháng kể từ ngày nghỉ việc, nộp hồ sơ hưởng trợ cấp TN

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A đóng BHTN 50 tháng với lương bình quân 6 tháng cuối cùng là 4.000.000đ

Thời gian được hưởng BHTN của ông A:

36 THÁNG BHTN ĐẦU TIÊN

Được hưởng 3 tháng trợ cấp

12 THÁNG BHTN TIẾP THEO

được hưởng thêm 1 tháng trợ cấp

SỐ THÁNG CÒN DƯ LÀ 2 THÁNG BHTN

cộng dồn vào lần hưởng BHTN sau

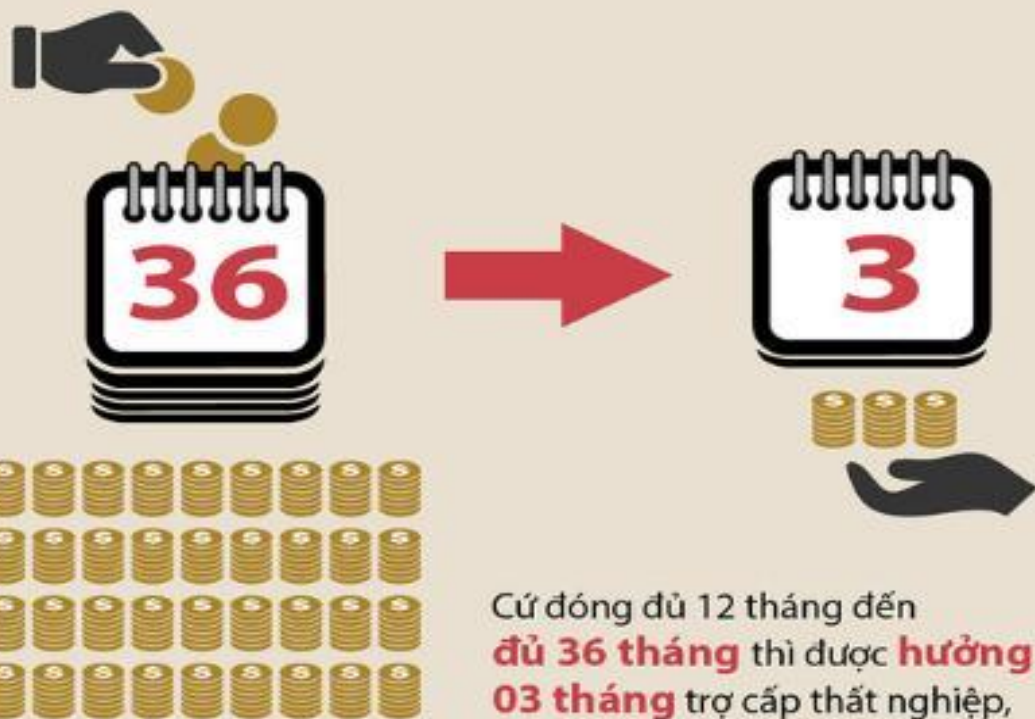
Vậy ông A được hưởng 4 tháng trợ cấp TN với mức hưởng hàng tháng là: $4.000.000đ \times 60\% = 2.400.000đ$

Thời gian hưởng

Thời điểm hưởng

THỜI GIAN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

(Được tính theo số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp)



Cứ đóng đủ 12 tháng đến **đủ 36 tháng** thì được **hưởng 03 tháng** trợ cấp thất nghiệp,

Sau đó, cứ đóng đủ thêm 12 tháng thì được hưởng thêm 01 tháng trợ cấp thất nghiệp nhưng tối đa **không quá 12 tháng**.

THỜI ĐIỂM HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP



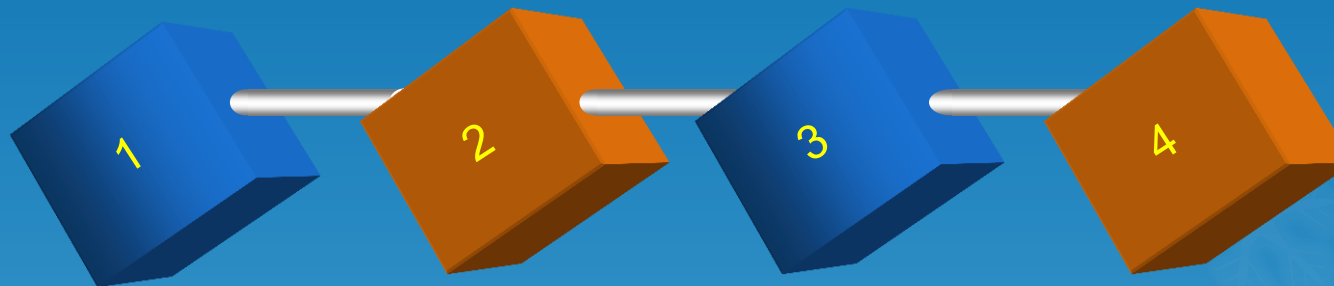
Được tính từ **ngày thứ 16**, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật này.

3.4 Nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN



Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ/HĐLV, người lao động chưa có việc làm và có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp phải trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định cho trung tâm dịch vụ việc làm tại địa phương nơi người lao động muốn nhận trợ cấp thất nghiệp.

3.5 Hồ sơ đề nghị hưởng TCTN bao gồm



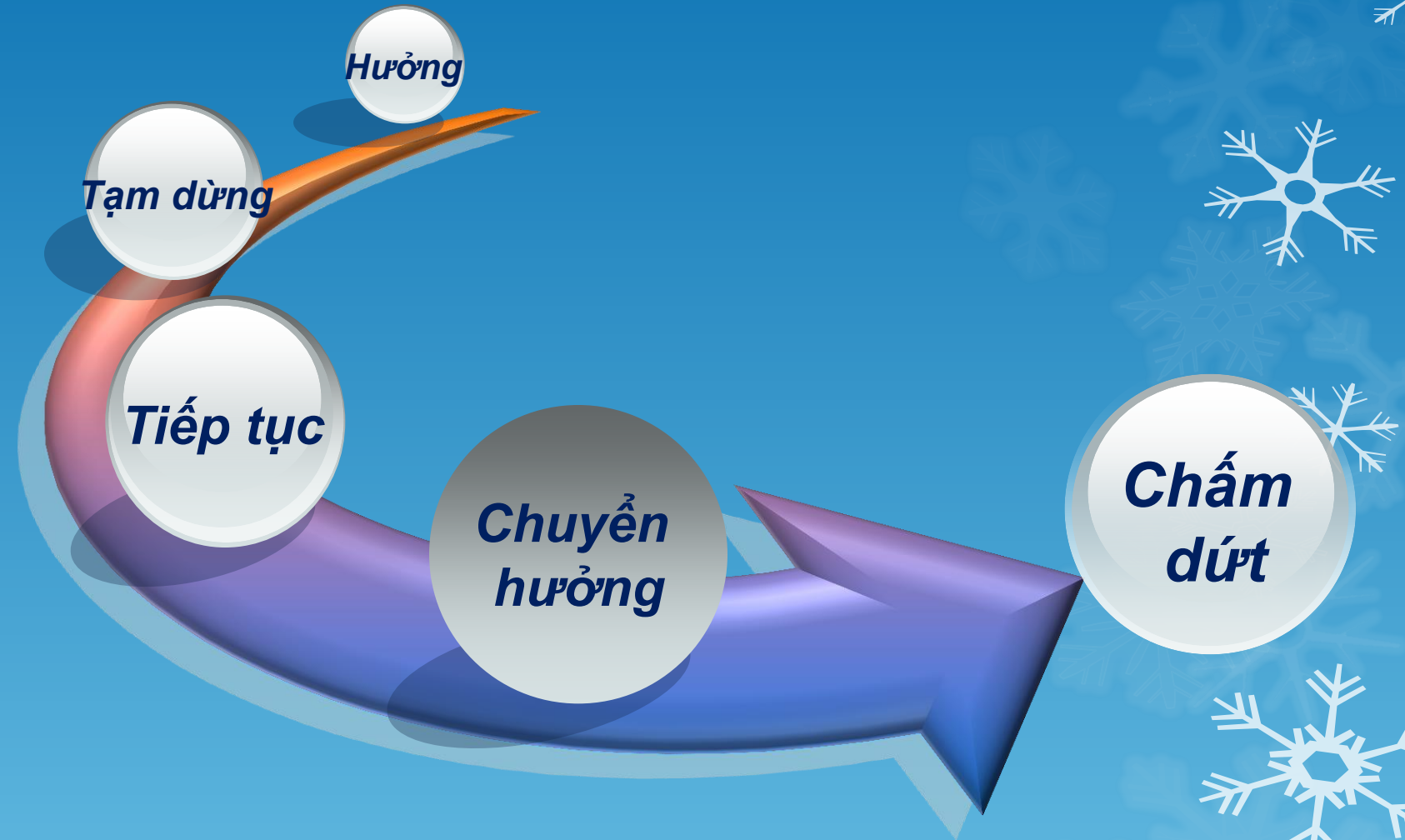
Đề nghị hưởng TCTN

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt HĐLĐ/HĐLV

Sổ Bảo hiểm xã hội

Một số giấy tờ khác (nếu có)
Vd: CMND, biên bản thỏa thuận tạm hoãn v..v)

3.6 MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG THỜI GIAN hưởng TCTN



A. Thông báo về việc tìm kiếm việc làm



Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, hằng tháng người lao động phải trực tiếp thông báo với Trung tâm Dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp về việc tìm kiếm việc làm.

3.4 Tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí



Miễn phí



3.5. Tạm dừng – Tiếp tục hưởng TCTN

Tạm dừng hưởng (Mất tiền):

Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp khi **KHÔNG** thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định

Tiếp tục hưởng:

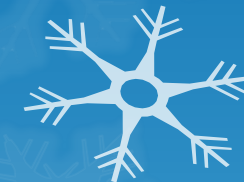
Người lao động bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu vẫn còn thời gian được hưởng theo quyết định thì tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp khi thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định

3.6. Chấm dứt hưởng TCTN



Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chấm dứt hưởng TCTN trong các trường hợp sau đây:

- a) Hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp;
- b) Tìm được việc làm;
- c) Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an;
- d) Hưởng lương hưu hằng tháng;
- đ) Sau 02 lần từ chối nhận việc làm do trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp giới thiệu mà không có lý do chính đáng;
- e) Không thực hiện thông báo tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định tại Điều 52 của Luật này trong 03 tháng liên tục;
- g) Ra nước ngoài để định cư, đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng;
- h) Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên;
- i) Bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm thất nghiệp;
- k) Chết;
- l) Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- m) Bị tòa án tuyên bố mất tích;
- n) Bị tạm giam; chấp hành hình phạt tù.



3.6. Chấm dứt hưởng TCTN (tt)

Người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp thuộc các trường hợp quy định tại các điểm b, c, h, l, m và n nêu trên được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần tiếp theo khi đủ điều kiện quy định.

Thời gian bảo lưu được tính bằng tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trừ đi thời gian đóng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp, theo nguyên tắc mỗi tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tương ứng 12 tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp.

3.6 Chấm dứt hưởng TCTN (tt)



Lưu ý: Trong quá trình hưởng bảo hiểm thất nghiệp mà có việc làm mới, tuy nhiên lại không thông báo về tình trạng việc làm của mình cho trung Tâm dịch vụ việc làm. Theo nghị định 61/2020/NĐ-CP thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Người lao động đã ký HĐLĐ/HĐLV phải khai báo ngay trung tâm DVVL nơi đang hưởng. Nếu quá thời hạn nêu trên, người lao động sẽ không được Bảo lưu theo quy định.

LƯU Ý

Khi thuộc một trong ba trường hợp:

- Có việc làm (HĐLĐ từ 1 tháng trở lên)
- Thực hiện nghĩa vụ quân sự/Công an
- Đi học tập từ đủ 12 tháng trở lên(

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp trên phải thông báo ngay với TTDVVL kèm theo bản chụp các giấy tờ có liên quan.

Nếu không thực hiện thông báo đúng theo thời gian nêu trên người lao động sẽ không được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm 9, Điều 1, Nghị định 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 về chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.



3.7. Chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp

Người lao động đã hưởng ít nhất 01 tháng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì phải làm đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp và gửi Trung tâm Dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của người lao động, TTĐVVL có trách nhiệm cung cấp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động



3.8 Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm



Người lao động đang đóng bảo hiểm thất nghiệp bị chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc được tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí thông qua trung tâm dịch vụ việc làm.

3.9 Tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí



Miễn phí



4. HỖ TRỢ HỌC NGHỀ

NLĐ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định có nhu cầu học nghề được hỗ trợ 01 lần để học 01 nghề

- Mức hỗ trợ học nghề đối với NLĐ tham gia BHTN tối đa 01 triệu đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo tháng, tùy theo từng nghề, mức thu học phí và thời gian học nghề thực tế theo quy định của cơ sở dạy nghề.

- Thời gian hỗ trợ học nghề không quá 06 tháng.

Trường hợp NLĐ tham gia khóa học nghề có những ngày lễ không đủ tháng theo quy định của cơ sở dạy nghề thì số ngày lễ đó được tính tròn là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ học nghề.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp:

Đề nghị hỗ trợ học nghề theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người thất nghiệp có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 09 tháng trở lên nhưng không thuộc diện hưởng trợ cấp thất nghiệp:

a) Đề nghị hỗ trợ học nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của một trong các giấy tờ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

c) Sổ bảo hiểm xã hội.

4.1 Điều kiện được hỗ trợ học nghề



- Người lao động quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hỗ trợ học nghề khi có đủ các điều kiện sau đây:
- 1. Đủ các điều kiện quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 49 của Luật này;
- 2. Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 09 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

4.3 Thời gian và mức hỗ trợ học nghề



Thời gian hỗ trợ:

Theo thời gian học nghề thực tế nhưng không quá 6 tháng

Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ học nghề cho NLĐ tham gia BHTN tối đa 01(một) triệu đồng/người/tháng.
- Đối với NLĐ tham gia BHTN tham gia khóa học nghề có mức chi phí cao hơn mức hỗ trợ học nghề theo quy định thì phần vượt quá mức hỗ trợ học nghề do NLĐ tự chi trả



5. Bảo hiểm y tế



a. Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

b. Tổ chức bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm y tế cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

1. Quyền của người lao động

- Nhận sổ BHXH có xác nhận đầy đủ về việc đóng BHTN khi chấm dứt HĐLĐ/HĐLV;
- Được hưởng các chế độ BHTN theo quy định;
- Được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ hưởng TCTN, nhận quyết định hưởng TCTN theo quy định;
- Yêu cầu NSDLĐ cung cấp thông tin về việc đóng BHTN; yêu cầu TTĐVVL, tổ chức BHXH cung cấp thông tin liên quan đến BHTN;
- Khiếu nại, tố cáo về BHTN theo quy định của pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

2. Nghĩa vụ của người lao động

- Đóng BHTN đủ và đúng theo quy định
- Thực hiện đúng quy định về việc tham gia và hưởng BHTN
- Bảo quản, sử dụng sổ BHXH, thẻ BHYT theo quy định.
- Hằng tháng thông báo với TTĐVVL về việc tìm kiếm việc làm trong thời gian đang hưởng TCTN theo quy định.
- Nhận việc làm hoặc tham gia khoá học nghề phù hợp khi được TTĐVVL giới thiệu trong thời gian hưởng TCTN.
- Thông báo theo quy định với TTĐVVL khi thuộc các trường hợp chấm dứt hưởng TCTN theo quy định.
- Nộp lại thẻ BHYT khi thuộc các trường hợp chấm dứt hưởng TCTN theo quy định và trong trường hợp chuyển hưởng TCTN theo quy định.
- Một số nghĩa vụ khác.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

3. Quyền của người sử dụng lao động

- Được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định.
- Từ chối thực hiện các yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về BHTN.
- Khiếu nại, tố cáo về BHTN theo quy định của pháp luật.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

4. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

- Xác định đối tượng tham gia BHTN, thực hiện trình tự, thủ tục tham gia BHTN, đóng BHTN đúng, đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật.
- Bảo quản hồ sơ tham gia BHTN của NLĐ trong thời gian NLĐ làm việc tại đơn vị. Xuất trình các tài liệu, hồ sơ và cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của CQNN có thẩm quyền khi có kiểm tra, thanh tra về BHTN.
- Cung cấp thông tin về việc đóng BHTN trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày NLĐ yêu cầu.
- Cung cấp giấy tờ và thực hiện thủ tục xác nhận về việc đóng BHTN cho người lao động để NLĐ hoàn thiện hồ sơ hưởng BHTN theo quy định.
- Thông báo với TTĐVVL nơi đặt trụ sở làm việc của người sử dụng lao động khi có biến động lao động làm việc tại đơn vị.
- Tổ chức triển khai việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo đúng phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Một số trách nhiệm khác.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

5. Quyền của trung tâm dịch vụ việc làm

- Từ chối yêu cầu hưởng các chế độ BHTN không đúng quy định của pháp luật.
- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách pháp luật về BHTN và quản lý Quỹ BHTN.
- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về BHTN.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

6. Trách nhiệm của trung tâm dịch vụ việc làm

- Tổ chức tiếp nhận, xem xét và thực hiện các thủ tục giải quyết hưởng TCTN/HTHN theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và dạy nghề cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất
- Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan về BHTN theo yêu cầu của người lao động, tổ chức công đoàn và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Lưu trữ, bảo quản hồ sơ hưởng BHTN theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý BHTN và giải quyết hưởng các chế độ BHTN cho người lao động theo quy định.
- Một số trách nhiệm khác.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

7. Quyền của tổ chức bảo hiểm xã hội

- Kiểm tra việc đóng, hưởng các chế độ BHTN đối với người lao động và người sử dụng lao động.
- Từ chối yêu cầu chi trả các chế độ BHTN không đúng quy định của pháp luật.
- Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN; quản lý, sử dụng Quỹ BHTN; xử lý vi phạm pháp luật về BHTN.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

8. Trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm xã hội

- Tổ chức thu BHTN.
- Cung cấp thông tin về việc tham gia và đóng BHTN của người lao động cho NLĐ, TTDVL trên địa bàn.
- Chi trả các chế độ BHTN.
- Dừng chi trả các chế độ BHTN và thu hồi thẻ BHYT đối với người đang hưởng TCTN khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- Cấp thẻ BHYT và đóng BHYT cho người đang hưởng TCTN theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng Quỹ BHTN theo quy định của pháp luật.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý BHTN; lưu trữ hồ sơ của người tham gia BHTN theo quy định của pháp luật.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện BHTN theo quy định của pháp luật.
- Một số trách nhiệm khác.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

9. Quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Ban hành các quyết định về việc hưởng BHTN đối với NLĐ
- Thẩm định và phê duyệt phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm; thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo quy định.
- Theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BHTN
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN theo quy định của pháp luật.
- Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN.
- Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về BHTN.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

iv. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN BHTN

10. Trách nhiệm của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHTN.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về việc thực hiện chế độ BHTN theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất theo quy định của pháp luật.
- Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan về BHTN theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Thực hiện hợp tác quốc tế và tham gia nghiên cứu khoa học về BHTN.
- Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.

V. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP (MỚI)



PHÒNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

DIỆN THOẠI: 0362.220.399 - FAX: 0363.747.034 Website: <http://www.vieclamthoibinh.vn>

WWW.EMSC.VN

**Chính phủ ban hành nghị định
61/2020/NĐ-CP:
Sửa đổi quy định về BHTN**

v. MỘT SỐ ĐIỀU MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP (MỚI)

1. THAM GIA VÀ ĐÓNG BHTN

Bổ sung 03 trường hợp được coi là người đang đóng BHTN

- NLD đã đóng BHTN của tháng chấm dứt HĐLĐ/HĐLV và được xác nhận trên sổ BHXH
- NLD có tháng liền kề trước tháng chấm dứt hoặc tháng chấm dứt HĐLĐ/HĐLV nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng và được xác nhận trên sổ BHXH
- NLD có tháng liền kề trước tháng chấm dứt HĐLĐ/HĐLV hoặc tháng chấm dứt HĐLĐ/HĐLV mà nghỉ việc do ốm đau, thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng, không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị (không bắt buộc phải hưởng trợ cấp BHXH)



V. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP

2, CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Sửa đổi, bổ sung quy định về giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt HĐLĐ/HĐLV trong hồ sơ đề nghị hưởng TCTN.

- Bổ sung quy trình xác nhận đối với trường hợp NLĐ không có các giấy tờ về việc chấm dứt HĐLĐ do đơn vị sử dụng LĐ không có người đại diện theo PL và người được đại diện theo PL ủy quyền:

Sở LĐ-TB&XH/BHXXH gửi văn bản yêu cầu Sở KHĐT xác nhận. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được nhận văn bản, Sở KHĐT phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan công an, chính quyền địa phương nơi DN đặt trụ sở chính thực hiện xác minh và có văn bản trả lời để Sở LĐTB&XH/BHXXH có căn cứ giải quyết quyền lợi cho người lao động

V. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP

2, CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động

- Thời hạn nhận kết quả từ 02 ngày nâng lên 03 ngày làm việc
- Trường hợp trong thời hạn 03 ngày làm việc ghi trên phiếu hẹn trả kết quả nếu NLD có thông báo TTDVVL về lý do không thể nhận thì **KHÔNG** bị hủy quyết định v/v hưởng TCTN (Theo ND 28/2015/NĐ-CP là 02 ngày làm việc kể từ ngày ghi trong phiếu hẹn trả kết quả)



V. MỘT SỐ ĐIỀU MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP

2, CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Sửa đổi, bổ sung quy định về chấm dứt hưởng TCTN

a) Có việc làm

- Đã giao kết HĐLĐ/HĐLV theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời hạn từ đủ **01 tháng trở lên** (Theo ND 28/2015 thì từ đủ 3 tháng trở lên)
- Có quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm đối với những trường hợp không thuộc đối tượng giao kết HĐLĐ/HĐLV
- Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp NLĐ là chủ hộ kinh doanh hoặc có giấy chứng nhận đăng ký DN đối với những trường hợp NLĐ là chủ DN. Ngày mà NLĐ được xác định có việc làm là ngày NLĐ thông báo với TTĐVVL v/v hộ kinh doanh hoặc DN bắt đầu hoạt động KD.

V. MỘT SỐ ĐIỀU MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP

2, CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trường hợp chấm dứt hưởng TCTN không được bảo lưu:

NLĐ bị chấm dứt hưởng TCTN thuộc các trường hợp có việc làm; thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; đi học tập có thời hạn 12 tháng trở lên nhưng không thực hiện thông báo với TTDVVL theo quy định thì thời gian đóng tương ứng với thời gian hưởng TCTN mà NLĐ chưa nhận không được bảo lưu.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển nơi hưởng TCTN

Bỏ quy định về thời hạn chuyển nơi hưởng TCTN: NLĐ đang trong thời gian hưởng TCTN mà có nhu cầu chuyển nơi hưởng TCTN thì được chuyển hưởng TCTN (Theo nghị định 28/2015 thì thời hạn chuyển nơi hưởng là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hưởng TCTN)

V. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP

3, HỖ TRỢ HỌC NGHỀ

- **Địa điểm học nghề: Bổ sung trường hợp NLD đang hưởng TCTN mà có nhu cầu học nghề tại địa phương không phải nơi đang hưởng TCTN thì vẫn được hỗ trợ học nghề**
- **Thời điểm học nghề: Bổ sung trường hợp khóa đào tạo nghề đã khai giảng trước thời điểm ban hành quyết định về việc HTHN nhưng đối đa không quá 01 tháng kể từ ngày ban hành quyết định thì NLD vẫn được hỗ trợ khi tham gia khóa học nghề đó nếu cơ sở đào tạo nghề nghiệp đảm bảo dạy bù đầy đủ kiến thức của khoảng thời gian trước khi NLD tham gia học nghề**
- **Sửa đổi, bổ sung thời hạn ban hành quyết định về việc hỗ trợ học nghề: từ 15 ngày làm việc nâng lên 20 ngày làm việc**

V. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP

4, Từ ngày 15/07/2020 trở đi

- Nếu người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN mà có tháng liền kề thuộc các trường hợp ốm đau, thai sản, tạm hoãn HĐLĐ/HĐLV, nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên đã được xác nhận trên Sổ BHXH thì NLĐ không phải cung cấp các giấy tờ chứng minh
- Trường hợp trên Sổ BHXH chưa được cơ quan BHXH xác nhận các thông tin trên thì phải kèm theo các giấy tờ chứng minh gửi TTDVVL để làm cơ sở thẩm định hồ sơ giải quyết hưởng TCTN/Hỗ trợ học nghề.
- Người lao động được xác định có việc làm khi giao kết hợp đồng lao động có thời hạn đủ 01 tháng đến 03 tháng và HĐ có hiệu lực từ ngày 15/07/2020 trở đi (HĐ có hiệu lực trước ngày 15/7/2020 thì không được xác định có việc làm)
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày HĐLĐ có hiệu lực, NLĐ phải thông báo ngay cho TTDVVL. Nếu không thực hiện thông báo theo quy định thì thời gian đóng tương ứng với thời gian hưởng TCTN mà NLĐ chưa nhận không được bảo lưu.

V. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2020/NĐ-CP

4, Từ ngày 15/07/2020 trở đi

Từ ngày 15/07/2020, bãi bỏ thời hạn chuyển nơi hưởng TCTN. do đó, theo quy định NLĐ không phải thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng nếu ngày thông báo nằm trong khoảng thời gian làm thủ tục chuyển nơi hưởng TCTN cũng hết hiệu lực

- NLĐ sau khi nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp phải thực hiện thông báo v/v tìm kiếm việc làm hằng tháng theo ngày ghi trong phụ lục kèm theo Quyết định v/v hưởng TCTN, nếu không thực hiện sẽ bị tạm dừng hưởng TCTN

CÁC ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đắk Nông
Đ/c: Tổ 3, P Nghĩa Trung, Tp. Gia Nghĩa, Đắk Nông
SĐT: 02613544329

2. Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đắk Nông
(Văn phòng đại diện Cư jut)
Đ/c: Thị Trấn Ea Tling, Cư Jut, Đắk Nông
(Đối diện Quảng trường Cu Jut)
SĐT: 02613692269



thanks!
Any questions?

THẢO LUẬN



